

Số: 820 /QĐ-UBND

Yên Lãng, ngày 20 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2022
trình hội đồng nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN LÃNG

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/ 2015;

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 343/2016/ TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ biên bản thảo luận ngân sách ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa UBND xã Yên Lãng, Chi cục thuế khu vực Sông Công - Đại Từ, Phòng tài chính-kế hoạch;

Căn cứ kết quả phiên họp Ban chấp hành Đảng ủy ngày 19 tháng 12 năm 2021 về việc thống nhất số liệu thu – chi ngân sách xã Yên Lãng năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Yên Lãng trình hội đồng nhân dân cấp xã cụ thể như sau:

(Theo biểu số 103,104,105,106,107/CK TC-NSNN và thuyết minh kèm theo quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng UBND, công chức Tài chính- Kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các ban ngành đoàn thể xã;
- Trưởng xóm trong toàn xã;
- Lưu: VP HĐND - UBND.

CHỦ TỊCH

Lục Văn Thục



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	7.586.175	TỔNG SỐ CHI	7.586.175
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	229.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	921.000	II. Chi thường xuyên	7.120.478
III. Thu bổ sung	6.171.798	III. Dự phòng	135.000
- Bổ sung cân đối	6.171.798	IV. Tiết kiệm chi	66.320
- Bổ sung có mục tiêu		V. Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2021	264.377
IV. Thu chuyển nguồn		chuyển sang:	
V. Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang:	264.377		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)



Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán thu năm 2022		So sánh %	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU	12.652.905	12.224.845	7.586.175	7.586.175	59,96	62,06
I	Các khoản thu 100%	246.775	246.775	229.000	229.000	92,80	92,80
	Phí, lệ phí	119.295	119.295	129.000	129.000	108,14	108,14
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		-				
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		-				
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		-				
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		-				
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		-				
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		-				
	Thu khác	127.480	127.480	100.000	100.000	78,44	78,44
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	924.898	496.838	921.000	921.000	99,58	185,37
I	Các khoản thu phân chia	398.290	199.145	408.000	408.000	102,44	204,88
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		-				
	Thuế ngoài quốc doanh (thuế hộ khoán cố định GTGT)	302.746	151.373	300.000	300.000	99,09	198,19
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	95.545	47.772	108.000	108.000	113,04	226,07
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	456.098	228.049	513.000	513.000	112,48	224,95
	Thuế TNCN từ chuyển nhượng BDS	347.538	173.769	363.000	363.000	104,45	208,90



	Thuế TNCN từ SXKD	148.985	74.493	150.000	150.000	100,68	201,36
	Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công	(40.426)	(20.213)				
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	68.777	68.777				
	Thu từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	58.671	58.671				
	Thu từ đất ở tại nông thôn	10.106	10.106				
4	Phạt chậm nộp	1.733	867				
III	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang:			264.377	264.377		
IV	Thu chuyển nguồn	290.534	290.534				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	45.205	45.205				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	11.145.493	11.145.493	6.171.798	6.171.798	55,37	55,37
	- Thu bổ sung cân đối	5.151.770	5.151.770	6.171.798	6.171.798	119,80	119,80
	- Thu bổ sung có mục tiêu	5.993.723	5.993.723				





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

ĐVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021			DỰ TOÁN NĂM 2022			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	7.479.807	-	7.479.807	7.586.175	-	7.586.175	101,42		101,42
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	232.440		232.440	139.500		139.500			60,0
4	Chi văn hóa thông tin	72.000		72.000	35.000		35.000	48,61		48,6
5	Chi phát thanh truyền hình	6.000		6.000	-					
6	Chi thể dục thể thao	100.000		100.000	25.000		25.000	25,00		25,0
7	Chi bảo vệ môi trường	-			-					
8	Chi hoạt động kinh tế	25.000		25.000	100.000		100.000			400,0
9	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.753.267		6.753.267	6.636.978		6.636.978	98,28		98,3
10	Chi cho công tác xã hội	168.000		168.000	184.000		184.000	109,52		109,5
11	Chi khác	-			-					
12	Dự phòng ngân sách+ tiết kiệm chi	123.100		123.100	201.320		201.320			163
13	Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang:				264.377		264377			



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Dự toán trình hội đồng nhân dân)

ĐVT: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được		Giá trị thực hiện đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/01/2021	Dự toán năm 2022					
		Tổng số	Trong đó Nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn		Nguồn NS cấp trên hỗ trợ	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8		9
Tổng số		9.700.000	-	-	-	6.200.000	-	-	-	-	6.200.000
I/Công trình khởi công mới		9.700.000	-	-	-	6.200.000	-	-	-	-	6.200.000
Xây dựng sân thể thao xã Yên Lăng	2021	6.000.000				5.000.000					5.000.000
Xây dựng mới 12 nhà văn hóa xóm	2021	3.700.000				1.200.000					1.200.000

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Tên công trình Tổng số ngân sách	Ước thực hiện năm 2021			Kế hoạch năm 2022		
	Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	175.465.000	148.099.300	10.820.700	111.570.000	111.570.000	0
Quỹ tình nghĩa (dền ơn đáp nghĩa)	480.306.141	332.252.000	148.054.141	481.779.141	398.773.160	83.005.981
Quỹ trẻ thơ (bảo trợ trẻ em)	72.530.141	16.540.000	55.990.141	85.170.141	58.339.140	26.831.001
Quỹ vì người nghèo	45.963.500	31.100.000	14.863.500	45.003.500	40.873.800	4.129.700
Quỹ vi người nghèo	57.835.500	31.500.000	26.335.500	55.055.500	33.985.000	21.070.500
Quỹ chung tay vì người nghèo	65.290.000	65.000.000	290.000	123.035.000	120.000.000	3.035.000
Quỹ khuyến học	70.185.000	27.240.000	42.945.000	72.485.000	47.645.220	24.839.780
Quỹ nhân đạo	41.364.000	33.900.000	7.464.000	37.534.000	34.500.000	3.034.000
Quỹ chăm sóc người cao tuổi	30.766.000	30.600.000	166.000	30.666.000	30.600.000	66.000
Quỹ phòng chống thiên tai	61.372.000	61.372.000	0	32.830.000	32.830.000	0
Quỹ phòng chống Covid - 19	35.000.000	35.000.000	0			0
2. Các hoạt động sự nghiệp						
Chợ						
Bến bãi						

Chênh lệch (-) do tồn cuối kỳ năm trước chuyển sang

CÔNG KHAI THUYẾT MINH

Dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2022 trình hội đồng nhân dân cấp xã
(Kèm theo Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của UBND xã Yên Lãng)

Căn cứ luật ngân sách nhà nước năm 2015 ;

Căn cứ thông tư 343/2016/ TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ biên bản thảo luận ngân sách ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa UBND xã Yên Lãng, Chi cục thuế khu vực Sông Công - Đại Từ, Phòng tài chính- kế hoạch;

Căn cứ kết quả phiên họp BCH đảng ủy ngày 19 tháng 12 năm 2021 của BCH Đảng ủy xã Yên Lãng

UBND xã Yên Lãng thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2022 trình hội đồng nhân dân cấp xã như sau:

1. Thu ngân sách:

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025

Dự toán thu ngân sách năm 2022: 7.586.175.000 đồng trong đó: thu cân đối ngân sách xã hưởng năm 2022: 1.150.000.000đồng, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 6.171.798.000đồng, thu nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang: 264.377.000 đồng.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Chi tiêu	KH năm 2022		Ghi chú
		Tổng thu NS	NS xã hưởng	
	Tổng thu (I+II+III+IV)	7.586.175	7.586.175	
I	Thu cân đối	1.150.000	1.150.000	
1	Thu ngoài quốc doanh	300.000	300.000	
	Thuế GTGT	300.000	300.000	
2	Thuế thu nhập cá nhân	513.000	513.000	
	Thuế TNCN từ thuế chuyển quyền bất động sản	363.000	363.000	
	Thuế TNCN từ SXKD	150.000	150.000	

3	Lệ phí trước bạ nhà đất	108.000	108.000	
4	Thu phí lệ phí	129.000	129.000	
	Lệ phí môn bài	41.000	41.000	
	Lệ phí chứng thư	88.000	88.000	
5	Thu khác tại xã	100.000	100.000	
II	Thu trợ cấp	6.171.798	6.171.798	
1	Trợ cấp cân đối	6.171.798	6.171.798	
III	Thu nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang	264.377	264.377	

2. Chi ngân sách.

Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2022

Chi đầu tư phát triển : Phân bổ theo Nghị quyết của HĐND huyện và đã được tổng hợp báo cáo trong báo cáo đầu tư công năm 2022

Chi thường xuyên: Năm 2022 là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 do vậy chi thường xuyên có nhiều thay đổi:

Dự toán chi ngân sách năm 2022: 7.586.175.000 đồng trong đó: Chi thường xuyên: 7.120.478.000 đồng, tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 66.320.000 đồng, chi chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang: 264.377.000 đồng dự phòng: 135.000.000 đồng

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị tính: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Số chi phân bổ năm 2022	Ghi chú
A. Tổng chi ngân sách: I+II+III+IV+V	7.586.175	
I. Chi đầu t phát triển	-	
I. Chi đầu t xây dựng cơ bản	-	
Nguồn ngân sách		
Nguồn đóng góp		

II. Chi thường xuyên	7.120.478	
Chi công tác dân quân TV, ANTT	1.203.691	
Chi dân quân tự vệ	645.650	
- Chi lương, phụ cấp , BH, KPCĐ, PC thâm niên, Chi PC XDP + DQTV	434.650	
- Chi khác(cả KP huấn luyện dân quân)	211.000	
Chi an ninh trật tự	589.368	
- Chi PC CAV	511.368	
- Chi khác	78.000	
Chi sự nghiệp giáo dục		
Sự nghiệp y tế	139.500	
Sự nghiệp văn hoá, thông tin	35.000	
Sự nghiệp thể dục, thể thao	25.000	
Sự nghiệp kinh tế	100.000	
Sự nghiệp giao thông	100.000	
SN nông - lâm - thuỷ sản - hải sản		
Sự nghiệp thị chính		
Thương mại, dịch vụ		
Các sự nghiệp khác		
Sự nghiệp xã hội	184.000	
Hưu xã và trợ cấp khác	174.000	
Khác	10.000	
Chi QL nhà nước, đảng, đoàn thể	5.401.960	
Hội đồng nhân dân	325.000	
- Chi lương, phụ cấp CB, BH, KPCĐ	241.000	
- Chi khác	84.000	Huyện phân bổ: 50TR, xã phân bổ thêm: 34TR
Ủy ban nhân dân	2.811.696	
- Chi lương CBCC, CT, PC, BH, KPCĐ	1.852.205	

- Công tác XH tình nguyện	41.000	
- Hỗ trợ xóm theo NQ 07/HĐND tỉnh TN	312.000	
- Chi khác (cả thuê bảo vệ)	606.491	
Đảng cộng sản Việt Nam	1.072.560	Huyện phân bổ: 80TR, xã phân bổ thêm: 40TR
- Chi lương, PC, BH, KPCĐ	952.560	
- Chi khác	120.000	
Mặt trận tổ quốc	444.536	
- Chi lương, PC, BH, KPCĐ	232.536	
- Chi khác	22.000	
- Chi cụm dân cư (26xóm x 5triệu)	130.000	
- Chi BCĐ KDC	25.000	
- Toàn dân đoàn kết XD đời sống VH đô thị VH	20.000	
- Chi thanh tra nhân dân	5.000	
- Chi giám sát cộng đồng	10.000	
Đoàn thanh niên CSHCM	143.800	
- Chi lương, PC, BH, KPCĐ	110.800	
- Chi khác	33.000	
Hội Liên hiệp phụ nữ	156.700	
- Chi lương + PC, BH, KPCĐ	136.700	
- Chi khác	20.000	
Hội nông dân Việt Nam	136.200	
- Chi lương, PC, BH, KPCĐ	116.200	
- Chi khác	20.000	
Hội cựu chiến binh Việt Nam	128.800	
- Chi lương, PC, BH, KPCĐ	95.800	
- Chi khác	33.000	

Hội người cao tuổi	92.700	
- Chi phụ cấp	25.600	
- Chi khác	67.100	Chúc thọ mừng thọ: 67,1Tr
Hội chữ thập đỏ	25.600	
- Chi phụ cấp	25.600	
Hội Cựu TNXP	16.092	
- Chi phụ cấp	16.092	
Hội NN chất độc Da cam	16.092	
- Chi phụ cấp	16.092	
Hội khuyến học	16.092	
- Chi phụ cấp	16.092	
Hội đông y	16.092	
- Chi phụ cấp	16.092	
III. Dự phòng	135.000	
IV. Chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang	264.377	
V. TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN	66.320	

Trên đây là thuyết minh dự toán dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2022 trình hội đồng nhân dân cấp xã.

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2022 trình hội đồng nhân dân cấp xã

Hôm nay, hồi 8 giờ ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại UBND xã Yên Lãng

Thành phần gồm có:

1. Ông: Lục Văn Thực
 2. Bà: Nguyễn Thanh Sơn
 3. Bà: Nông Thị Hương
- Có sự chứng kiến của:

1. Bà: Nịnh Thị Đào
2. Ông : Hoàng Công Định

- Chức vụ: Chủ tịch UBND xã
- Chức vụ: Công chức Tài chính – Kế toán
- Chức vụ: Công chức Văn phòng – Thống kê
- Phó CTHĐND xã - Chủ tịch công đoàn
- Thanh tra nhân dân

***/ Nội dung:** Lập biên bản niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình hình dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2022 trình hội đồng nhân dân cấp xã với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2022 trình hội đồng nhân dân cấp xã của UBND xã Yên Lãng.

(Có phụ biểu số 103/CKTC-NSNN, số 104/CKTC-NSNN, số 105/CKTC-NSNN, số 106/CKTC-NSNN, thuyết minh kèm theo)

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 21/12/2021 đến hết ngày 25/01/2022.

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại Trụ sở UBND xã Yên Lãng, trên hệ thống loa truyền thanh, trên trang thông tin điện tử cấp xã.

Biên bản lập xong hồi 9 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN



Nông Thị Hương

Kế toán



Nguyễn Thanh Sơn

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP

công Đoàn



Nịnh Thị Đào

TM. UBND XÃ YÊN LÃNG
Chủ tịch



Lục Văn Thực

Thanh tra nhân dân



Hoàng Công Định

BIÊN BẢN

Về việc kết thúc niêm yết công khai số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2022 trình hội đồng nhân dân cấp xã

Hôm nay, hồi 14 giờ ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại UBND xã Yên Lãng

Thành phần gồm có:

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. Ông: Lục Văn Thực | - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã |
| 2. Bà: Nguyễn Thanh Sơn | - Chức vụ: Công chức Tài chính – Kế toán |
| 3. Bà: Nông Thị Hương | - Chức vụ: Công chức Văn phòng – Thống kê |
- Có sự chứng kiến của:
- | | |
|--------------------------|--------------------------------------|
| 1. Bà: Nịnh Thị Đào | - Phó CTHĐND xã - Chủ tịch công đoàn |
| 2. Ông : Hoàng Công Định | - Thanh tra nhân dân |

***/ Nội dung:** Xác nhận kết quả kết thúc niêm yết công khai số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2022 trình HĐND cấp xã với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Ủy ban nhân dân xã Yên Lãng đã công khai số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2022 trình HĐND cấp xã của UBND xã Yên Lãng.

(Có phụ biểu số 103/CKTC-NSNN, số 104/CKTC-NSNN, số 105/CKTC-NSNN, số 106/CKTC-NSNN kèm theo)

- Thời gian niêm yết công khai là 35 ngày: bắt đầu kể từ ngày 21/12/2021 đến hết ngày 25/01/2022.

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại Trụ sở UBND xã Yên Lãng, trên hệ thống loa truyền thanh, trên trang thông tin điện tử cấp xã, thông qua trường xóm để thông báo tới nhân dân.

Trong thời gian niêm yết không nhận được ý kiến nào phản ánh về số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2022 trình HĐND cấp xã

Biên bản lập xong hồi 15 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

Nông Thị Hương

Kế toán

Nguyễn Thanh Sơn

công Đoàn

Nịnh Thị Đào

TM. UBND XÃ YÊN LÃNG

Chủ tịch



Lục Văn Thực

Thanh tra nhân dân

Hoàng Công Định